TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:107/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17/9/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Trần Trọng Quang;

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim Th, sinh năm: 1994; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện C, TG.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm: 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện C, TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 27/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Kim Th trình bày:

Chị và anh Lê Minh T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 25/02/2013, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Kiều Vsinh ngày 03/4/2012, hiện đang sống với anh T. Sau khi ly hôn chị Th đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Th không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị Th xin ly hôn với anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do bị đơn anh T có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị Kim Th và anh Lê Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 25/02/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Th và anh T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, còn anh T thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị Th xin ly hôn với anh. Điều này cho thấy anh T đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Kiều V sinh ngày 03/4/2012, hiện do anh T nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị Th đồng ý giao

cháu V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Th không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sau khi ly thân anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V ổn định cho đến nay. Đồng thời cháu V cũng có nguyện vọng được sống chung với cha sau khi cha mẹ ly hôn nên việc giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi cháu V nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: chị Th xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị Th xác định không có nợ chung không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Kim Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim Th.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim Th được ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Kiều V sinh ngày 03/4/2012 cho anh Lê Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Kim Th không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị Trần Thị Kim Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Trần Thị Kim Th đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16726 ngày 27/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị Th đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kim Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh